

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-PT

Ngày: 10 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tư

Ông Lâm Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Lưu Hoàng V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2020/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: Lưu Hoàng V, sinh năm: 1993; tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H và bà Lê Thu T; có vợ Trần Thanh Cẩm T và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020 hủy bỏ biện pháp tạm giam; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1988; tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: tổ 19, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị L; có vợ Nguyễn Thị D và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 29/01/2021 hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Thanh N, sinh năm: 1994; nơi cư trú: ấp Thành T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H và bà Võ Thị M; có vợ Nguyễn Kim T và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020 hủy bỏ biện pháp tạm giam, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Quang M, sinh năm: 1968; tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: tổ 3, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hiếu L (chết) và bà Lê Thị B (chết); có vợ Nguyễn Thị T và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 02/12/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng N:* ông Lê Phan Hoàng D, Luật sư Công ty luật TNHH MTV C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Ngoài ra bị hại chị Bùi Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Quang H, bà Võ Thị M, Nguyễn Thị D, Lê Thu T không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng N, Lưu Hoàng V, Trần Thanh N, Trần Quang M cùng làm thuê tại cửa hàng sắt H, thuộc tổ 14, ấp T, xã T, huyện B do chị Bùi Thị Hồng C làm chủ.

Vào sáng ngày 15/7/2020 bị cáo N rủ với các bị cáo V, N và M cùng lấy trộm sắt trong cửa hàng của chị C để bán lấy tiền chia nhau xài, các bị cáo đều đồng ý; do phải đi giao hàng cho khách nên bị cáo N chở sắt đi giao; bị cáo N, V, M ở lại kho. Lúc này, chị C kêu các bị cáo V, M, N đi giao tole nên bị cáo N kêu bị cáo V rút 05 cây sắt 3x6 loại 1,1 ly, mỗi cây dài 6m đem ra để cặp xe ba gác; V kêu M rút thêm 03 cây sắt vuông 75 loại 1,4 ly dài 6m để cặp xe ba gác. Sau khi lấy số sắt trên để cặp xe ba gác xong thì V lấy 03 cây sắt vuông 90 để lên xe ba gác buộc chắc lại làm cây đà; sau đó, N kêu V và M đẩy hết số sắt vừa trộm được vào bên trong 03 cây sắt 90 do N nhìn thấy bên trong 03 cây sắt này còn trống nên N kêu M đi cùng với N lấy thêm 04 cây sắt 2x4 loại 1,4 ly dài 6m đem ra xe đẩy giấu vào bên trong 03 cây sắt 90, rồi dùng băng keo bịt kín các

đầu cây đà lại. Sau đó N và V để tole lên xe ba gác rồi N chạy xe qua cửa hàng để chị C kiểm tra tole trước khi giao cho khách; chị C kiểm tra thấy đủ số tole nên kêu N chạy xe ba gác giao cho khách; V chạy xe mô tô đi theo để phụ giao tole với N. Khi đến gần cầu Tư Dân thuộc ấp T, xã L, huyện B thì V kêu N dừng xe lại; N và V lấy sắt ra để cặp đường lộ. Bị cáo N kêu V đi bán sắt vừa trộm được; N điều khiển xe đi giao tole; bị cáo V bán được số sắt trên cho một người thanh niên ở Đồng Tháp nhưng không rõ tên và địa chỉ cụ thể với số tiền 1.200.000 đồng; V chia cho N, N, M mỗi người 300.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo N tiếp tục nói với các bị cáo V, M, N tiếp tục lấy trộm sắt đem bán thì tất cả cùng đồng ý. Bị cáo M nói với N là lấy cẩn thận đừng để bị phát hiện rồi đi giao hàng cho khách; bị cáo N qua cửa hàng gặp chồng chị C là anh Bùi Hữu N nói với anh N là có người đặt hàng 04 tấm tole lạnh và nói với anh N là lấy 03 cây sắt vuông 90 làm đà, qua kho cắt tole để sẵn lên xe ba gác để sáng ngày 16/7/2020 giao hàng cho khách thì anh N đồng ý. Bị cáo N kêu N dùng dây cột 03 cây sắt 90 lên xe ba gác cho chắc rồi dùng miếng nhựa và băng keo bịt kín một đầu của 03 cây sắt 90; rồi kêu V lấy trộm sắt giấu vào 03 cây đà; còn N thì điều khiển máy dập tole để chuẩn bị tole cho khách; bị cáo V mới rút 48 cây sắt vuông 20 rồi để vào bên trong 03 cây đà. Sau khi dập tole xong, N kêu V và N đem tole để lên xe ba gác để ngày hôm sau giao hàng cho khách.

Ngoài ra, bị cáo N và V còn qua cửa hàng, N lấy 04 ổ khóa hiệu DOORLOCK ZANI 5890 loại 1 đem cắt giấu trên tủ chữ “L” trong cửa hàng; V lấy 03 ổ khóa hiệu DOORLOCK ZANI 5890 loại 1 và 01 ổ khóa hiệu DOORLOCK ZANI 9500 loại 2 cắt giấu dưới tủ chữ “L” để N và V đem bán riêng.

Đến khoảng 07 giờ ngày 16/7/2020, bị cáo N, M, N và V đến cửa hàng làm thì chị C có nghi ngờ các bị cáo lấy trộm sắt nên chị C kêu N chạy xe ba gác chở tole từ kho qua cửa hàng để kiểm tra trước khi giao cho khách. Trong lúc kiểm tra, chị C phát hiện hiện bên trong 03 cây đà trên xe ba gác có cắt giấu 48 cây sắt vuông 20, loại 1,1 ly mỗi cây dài 6m; chị C hỏi ai lấy trộm sắt thì các bị cáo N, M, N và V cùng thừa nhận đã lấy trộm toàn bộ số sắt nêu trên.

Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 30/KLĐGTS ngày 21/7/2020 và kết luận số 36/KLĐGTS ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận:

48 cây sắt vuông 20 loại 1,1 ly, mỗi cây có chiều dài 6m; trị giá 3.600.000 đồng.

05 cây sắt 3x6 loại 1,1 ly, 03 cây sắt vuông 75 loại 1,4 ly, 04 cây sắt 2x4 loại 1,4 ly, mỗi cây dài 6m, có giá trị là 2.290.000 đồng.

07 ổ khóa hiệu DOORLOCK ZANI 5890 loại 1 có giá trị 1.330.000 đồng.

01 ổ khóa hiệu DOORLOCK ZANI 9500 loại 2 có giá trị là 50.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo lấy trộm là: 7.270.000 đồng.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 52/2020/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Lưu Hoàng V, Trần Quang M, Trần Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/7/2020.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 54; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Hoàng V 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ được khấu trừ vào thời hạn bị tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Quang M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ được khấu trừ vào thời hạn bị tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 02/12/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Lược trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ được khấu trừ vào thời hạn bị tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành

án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn việc khấu trừ thu nhập của các bị cáo N, V, M và N.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 12 năm 2020 bị cáo Lưu Hoàng V có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSBT với nội dung: kháng nghị một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng sửa án sơ thẩm về hình phạt; đề nghị Tòa án phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N; áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Lưu Hoàng V, Trần Quang M, Trần Thanh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V xin rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: vẫn giữ nguyên kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N, áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo V, N, M. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B; sửa bản án sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/7/2020. Xử phạt bị cáo Lưu Hoàng V từ 09 tháng đến 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020. Xử phạt bị cáo **Trương Hoàng M** 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành hình phạt, trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 02/12/2020. Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành hình phạt tù, trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020. Các bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N trình bày: thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã thay đổi và áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo là áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo N đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Lời nói sau cùng của bị cáo N, V, N, M: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: quá trình điều tra, thu thập chứng cứ đã có đủ căn cứ chứng minh vào ngày 15/7/2020 tại cửa hàng sắt Hồng Cúc III, bị cáo N rủ các bị cáo V, M, N để thực hiện hành vi trộm sắt của chị C chủ cửa hàng sắt H, lợi dụng lúc chuẩn bị đi giao tole cho khách bị cáo N đã phân công bị cáo V lấy 05 cây sắt 3x6 loại 1,1 ly, V kêu M lấy 03 cây sắt vuông 75 loại 1,4 ly, N cùng M lấy 04 cây sắt 2x4 loại 1,4 ly cất giấu vào trong 03 cây sắt 90 dùng băng keo bịt kín 02 đầu lại để tránh chị C phát hiện, sau đó V đi bán được 1.200.000 đồng, V chia cho N, M, N mỗi người 300.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày cũng với hành vi tương tự các bị cáo đã lấy 048 cây sắt vuông 20 để vào trong 03 cây sắt vuông 90, chuẩn bị ngày hôm sau giao tole sẽ đem ra ngoài tiêu thụ, đến ngày 16/7/2020 khi chuẩn bị đi giao tole thì bị chị C bắt quả tang việc các bị cáo cất giấu sắt. Ngoài ra, N và V còn lấy của chị C 04 ổ khóa. Tổng giá trị tài sản định giá là 7.270.000 đồng; trong đó 04 ổ khóa V và N lấy riêng tổng trị giá 1.380.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, do đó cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác vì qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội mà không có sự bàn bạc phân công vai trò trước của từng người, cũng không chuẩn bị kế hoạch, phương án thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo chỉ phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, không phạm tội có tổ chức, nên chỉ xét xử các bị cáo ở khung hình phạt tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu kết luận đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định tại Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V đã tự nguyện rút lại kháng cáo tại phiên tòa, nên tòa không xem xét kháng cáo của bị cáo V, tại

phiên tòa đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị, nên Hội đồng xét xử xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo N và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo N, V, M. Thấy rằng, bị cáo N là người khởi xướng rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo khác đồng thuận và cùng thực hiện hành vi của mình, nhưng vai trò của bị cáo N và V ngang nhau, khi N kêu V lấy sắt để lên xe chở đi, V thực hiện và chính V là người đi bán tài sản và V là người chia tiền cho các bị cáo khác. Cấp sơ thẩm khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra, nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết người phạm tội tự thú, vì lần phạm tội lần đầu không ai phát hiện, chính các bị cáo đã khai ra hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo. Mức án áp dụng đối với bị cáo N là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo M, V, N cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa đúng quy định pháp luật vì các bị cáo phạm tội nhiều lần, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe giáo dục các bị cáo. Các bị cáo M, N trong vụ án này đóng vai trò thấp nên khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc quyết định mức hình phạt của bị cáo M, N thấp hơn bị cáo V, N là có căn cứ. Đối với bị cáo N tuy lần đầu không thực hiện hành vi phạm tội, nhưng khi nghe bị cáo N rủ thực hiện hành vi phạm tội thì V đồng ý và nhận tiền từ V chia, nên bị cáo N phải chịu tình tiết phạm tội nhiều lần là có căn cứ. Đối với bị cáo M chỉ thực hiện hành vi phạm tội lần thứ nhất và có nhận tiền từ V, lần thứ 02 bị cáo M không thực hiện hành vi phạm tội, nên M không chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, nên mức hình phạt của bị cáo M thấp hơn bị cáo N.

[4] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là được chấp nhận một phần.

[5] Lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo N cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, vì các bị cáo phạm tội không có tổ chức, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điều Viện kiểm sát đã thay đổi và áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo nên đã áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đối với yêu cầu được áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo N không phải chịu án phí phúc thẩm, các bị cáo N, M, V phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; sửa Bản án sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 điểm, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam ngày 31/7/2020 đến ngày 29/01/2021; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo Lưu Hoàng V 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 05 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành hình phạt tù, trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 20/10/2020.

Xử phạt bị cáo **Trương Hoàng M** 04 tháng 02 ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 02/12/2020; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lưu Hoàng V, **Trương Hoàng M**, Trần Thanh N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.BT: 05;
- VKSND + CQĐT H.BT: 02;
- CQTHADS + THAHS H.BT: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01
- STP: 01;
- UBND, CA: 04;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án: 02;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Kiều Duyên